

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2311 K** Số tín chỉ: 5
CBGD **Nguyễn Trung Lục**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123110463	Cao Thanh	An	16/10/2005	CCQ2311K	7.9	7.4	7.6
2	2123110380	Nguyễn Hoàng	Ân	08/01/2004	CCQ2311K	7.2	6.2	6.6
3	2123110387	Nguyễn Trần Thái	Bảo	20/06/2005	CCQ2311K	5.9	5.8	5.8
4	2123110378	Đỗ Thanh	Bình	05/01/2005	CCQ2311K	8.1	5.4	6.5
5	2123110448	Nguyễn Thanh	Cảnh	27/12/2005	CCQ2311L	6.6	4.2	5.2
6	2123110422	Nguyễn Văn	Chiến	13/01/2004	CCQ2311L	6.9	5.0	5.8
7	2123110421	Võ Tấn	Dân	04/11/2005	CCQ2311L	8	5.4	6.4
8	2123110430	Nguyễn Hồng	Đặng	14/06/2005	CCQ2311K	5.5	5.4	5.4
9	2123110443	Nguyễn Ngọc Gia	Đạt	11/05/2005	CCQ2311L	7.9	6.6	7.1
10	2123110426	Phạm Trung	Đạt	11/09/2005	CCQ2311L	6.9	5.6	6.1
11	2123110394	Võ Tấn	Đạt	16/04/2005	CCQ2311K	6.3	4.2	5.0
12	2123110433	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	02/11/2005	CCQ2311K	0		0.0
13	2123110377	Vũ Quốc	Dương	24/07/2004	CCQ2311K	5.2	4.0	4.5
14	2123110436	Trần Thành	Hà	25/09/2004	CCQ2311L	5.9	6.0	6.0
15	2123110412	Lê Thị Thu	Hằng	09/02/2004	CCQ2311K	8	6.4	7.0
16	2123110447	Lê Công	Hậu	20/03/2005	CCQ2311L	8.2	7.2	7.6
17	2123110408	Nguyễn Huỳnh Thu	Hiền	24/02/2005	CCQ2311K	7.8	5.0	6.1
18	2123110415	Trần Thành	Hiền	01/06/2005	CCQ2311L	7	5.0	5.8
19	2123110425	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	10/07/2005	CCQ2311L	6.7	6.6	6.6
20	2123110444	Phạm Minh	Hiếu	10/03/2005	CCQ2311L	8.2	6.8	7.4
21	2123110416	Nguyễn Đức	Hiếu	24/01/2005	CCQ2311L	8.2	7.2	7.6
22	2123110457	Trương Thanh	Hóa	29/11/2004	CCQ2311L	7.6	4.2	5.6
23	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	7.8	7.0	7.3
24	2123110372	Võ Đình	Hưng	10/09/2005	CCQ2311K	0		0.0
25	2123110406	Hoàng Đức	Hữu	23/04/2005	CCQ2311K	6.9	5.6	6.1

26	2123110441	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2311L	7.1	5.4	6.1
27	2123110428	Trương Đăng	Huy	21/06/2005	CCQ2311L	7.7	7.2	7.4
28	2123110427	Trương Trọng	Hỷ	20/10/2005	CCQ2311L	6.4	6.0	6.2
29	2123110370	Trần Minh	Khang	10/01/2003	CCQ2311K	6.3	6.0	6.1
30	2123170659	Nguyễn Quốc	Khánh	23/07/2005	CCQ2317B	5.4	5.0	5.2
31	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	5.7	5.6	5.6
32	2123110390	Huỳnh Phúc	Lên	20/11/2005	CCQ2311K	7.2	7.6	7.4
33	2123110386	Lê Việt	Linh	09/09/2005	CCQ2311K	6.7	8.0	7.5
34	2123110532	Trương Quang Nhật	Linh	14/10/2001	CCQ2311K	6.6	5.2	5.8
35	2123110413	Trần Văn	Luân	01/10/2005	CCQ2311K	7.9	4.2	5.7
36	2123110414	Đạo Nữ Hoàng Ly	Ly	27/07/2005	CCQ2311L	8	4.6	6.0
37	2123110449	Nguyễn Công	Lý	15/11/2005	CCQ2311L	7.4	5.8	6.4
38	2123110366	Huỳnh Văn	Mẫn	04/11/2004	CCQ2311K	8.3	7.8	8.0
39	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	CCQ2311K	4.9	4.0	4.4
40	2123110404	Hồ Sĩ	Nguyên	25/03/2005	CCQ2311K	3.4	6.2	5.1
41	2123110409	Nguyễn Danh Thảo	Nguyên	09/05/2005	CCQ2311K	0		0.0
42	2123110446	Ngô Thành	Nhân	11/07/2000	CCQ2311L	7.4	6.0	6.6
43	2123110469	Nguyễn Hoài	Nhân	03/09/2005	CCQ2311L	7.9	7.0	7.4
44	2123110381	Huỳnh Đỗ Nhuận	Phát	12/12/2005	CCQ2311K	6.2	6.6	6.4
45	2123110424	Nguyễn Cửu Minh	Phú	25/10/2005	CCQ2311L	8.4	5.0	6.4
46	2123110478	Lầu Duy	Phúc	24/06/2005	CCQ2311L	7.7	5.0	6.1
47	2123110432	Võ Văn	Phúc	31/10/2005	CCQ2311K	7.7	5.8	6.6
48	2123110417	Nguyễn Khắc	Phước	03/05/2005	CCQ2311L	6.9	6.2	6.5
49	2123110434	Bạch Đông	Quân	13/01/2005	CCQ2311L	6.9	6.2	6.5
50	2123110483	Nguyễn Đắc	Quân	02/06/2005	CCQ2311L	7.9	5.6	6.5
51	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	26/05/2005	CCQ2311K	6.6	4.8	5.5
52	2123110397	Lê Văn	Quý	01/09/2000	CCQ2311K	7.5	5.2	6.1
53	2123110395	Hoàng Văn	Thái	05/11/2000	CCQ2311K	0		0.0
54	2123110423	Kiều Xuân	Thanh	09/06/2004	CCQ2311L	5.9	5.2	5.5
55	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	6.8	4.8	5.6
56	2123110454	Trần Đặng Xuân	Thịnh	24/11/2005	CCQ2311L	6.6	4.4	5.3
57	2123110438	Võ Ngọc Quốc	Thịnh	21/07/2005	CCQ2311L	7	5.8	6.3
58	2123110452	Hứa Trần Văn	Tiên	09/02/2003	CCQ2311L	7.1	5.0	5.8
59	2123110440	Nguyễn Thanh	Tín	08/04/1994	CCQ2311L	0		0.0
60	2123110456	Nguyễn Trọng	Tín	14/07/2004	CCQ2311L	6.2	5.6	5.8

61	2123110453	Ngô Đức Trí	19/09/2005	CCQ2311L	0		0.0
62	2123110472	Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/09/2005	CCQ2311L	7.9	6.2	6.9
63	2123110403	Hoàng Lê Anh Tuấn	25/05/2005	CCQ2311K	6.4	5.0	5.6
64	2123110411	Nguyễn Xuân Tường	25/10/2005	CCQ2311K	7.5	4.6	5.8
65	2123110477	Trần Quốc Tụu	17/01/2005	CCQ2311L	5.5	7.0	6.4
66	2123110439	Đặng Thị Thanh Tuyền	29/04/2004	CCQ2311L	0		0.0
67	2123110401	Trương Thanh Tuyền	05/07/2005	CCQ2311K	7.5	6.2	6.7
68	2123110373	Nguyễn Thị Ái Vi	12/02/2005	CCQ2311K	6.6	5.2	5.8
69	2123110474	Nguyễn Anh Vũ	21/09/2005	CCQ2311L	7.7	4.2	5.6
70	2123110382	Nguyễn Chí Vương	07/02/2005	CCQ2311K	4.8	5.4	5.2
71	2123110402	Nguyễn Huỳnh Khánh Vy	03/04/2005	CCQ2311K	8.3	5.6	6.7
72	2123110392	Trần Thị Ngọc YẾN	28/09/2005	CCQ2311K	7.7	5.6	6.4
73							
74							
75							
76							
77							
78							
79							
80							

Tp. Thủ Đức, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN-Lớp CCQ231 K
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123110463	Cao Thanh	An	16/10/2005	CCQ2311K	6.0	7.0	7.0	8.7	9.0	7.9	
2	2123110380	Nguyễn Hoàng	Ân	08/01/2004	CCQ2311K	6.5	7.0	5.5	8.7	7.0	7.2	
3	2123110387	Nguyễn Trần Thái	Bảo	20/06/2005	CCQ2311K	7.0	7.0	5.0	2.3	9.0	5.9	
4	2123110378	Đỗ Thanh	Bình	05/01/2005	CCQ2311K	8.0	6.0	5.0	9.7	9.0	8.1	
5	2123110448	Nguyễn Thanh	Cảnh	27/12/2005	CCQ2311L	7	6	5.5	10	4	6.6	
6	2123110422	Nguyễn Văn	Chiến	13/01/2004	CCQ2311L	7.0	6.5	5.5	7.7	7.0	6.9	
7	2123110421	Võ Tấn	Dân	04/11/2005	CCQ2311L	7.0	7.0	6.0	9.0	9.0	8.0	
8	2123110430	Nguyễn Hồng	Đăng	14/06/2005	CCQ2311K	7.0	6.5	7.0	0.0	9.0	5.5	
9	2123110443	Nguyễn Ngọc Gia	Đạt	11/05/2005	CCQ2311L	7.0	6.0	7.0	8.7	9.0	7.9	
10	2123110426	Phạm Trung	Đạt	11/09/2005	CCQ2311L	7.0	6.5	5.5	9.7	5.0	6.9	
11	2123110394	Võ Tấn	Đạt	16/04/2005	CCQ2311K	5.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.3	
12	2123110433	Nguyễn Thị Hiền	Diệu	02/11/2005	CCQ2311K						0.0	
13	2123110377	Vũ Quốc	Dương	24/07/2004	CCQ2311K	7.0	7.0	5.5	2.3	6.0	5.2	
14	2123110436	Trần Thành	Hà	25/09/2004	CCQ2311L	7.0	6.5	5.5	7.3	4.0	5.9	
15	2123110412	Lê Thị Thu	Hàng	09/02/2004	CCQ2311K	6.5	7.0	7.0	8.7	9.0	8.0	
16	2123110447	Lê Công	Hậu	20/03/2005	CCQ2311L	7.0	6.5	7.0	9.3	9.0	8.2	
17	2123110408	Nguyễn Huỳnh Thu	Hiền	24/02/2005	CCQ2311K	5.0	4.0	7.0	9.3	10.0	7.8	
18	2123110415	Trần Thành	Hiển	01/06/2005	CCQ2311L	7.0	6.5	6.0	6.7	8.0	7.0	
19	2123110425	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	10/07/2005	CCQ2311L	6.5	4.0	5.5	9.3	6.0	6.7	
20	2123110444	Phạm Minh	Hiếu	10/03/2005	CCQ2311L	7.0	6.5	7.0	9.3	9.0	8.2	
21	2123110416	Nguyễn Đức	Hiếu	24/01/2005	CCQ2311L	7.0	7.5	5.5	9.7	9.0	8.2	
22	2123110457	Trương Thanh	Hóa	29/11/2004	CCQ2311L	8.5	7.5	5.5	7.0	9.0	7.6	
23	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	5.5	7.0	5.0	9.7	9.0	7.8	
24	2123110372	Võ Đình	Hưng	10/09/2005	CCQ2311K						0.0	
25	2123110406	Hoàng Đức	Hữu	23/04/2005	CCQ2311K	6.0	7.0	5.0	8.3	7.0	6.9	
26	2123110441	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2311L	6.0	5.5	6.0	7.0	9.0	7.1	

27	2123110428	Trương Đăng	Huy	21/06/2005	CCQ2311L	6.0	6.5	7.0	9.3	8.0	7.7	
28	2123110427	Trương Trọng	Hỷ	20/10/2005	CCQ2311L	6.5	7.0	5.5	4.0	9.0	6.4	
29	2123110370	Trần Minh	Khang	10/01/2003	CCQ2311K	6.0	6.5	5.5	6.0	7.0	6.3	
30	2123170659	Nguyễn Quốc	Khánh	23/07/2005	CCQ2317B	7.0	7.0	5.5	0.0	9.0	5.4	
31	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	6.5		5.0	8.3	6.0	5.7	
32	2123110390	Huỳnh Phúc	Lên	20/11/2005	CCQ2311K	7	6	7.0	6.3	9	7.2	
33	2123110386	Lê Việt	Linh	09/09/2005	CCQ2311K	5.0	6.0	7.0	5.3	9.0	6.7	
34	2123110532	Trương Quang Nhật	Linh	14/10/2001	CCQ2311K	7.0	5.5	6.0	5.0	9.0	6.6	
35	2123110413	Trần Văn	Luân	01/10/2005	CCQ2311K	6.5	6.0	5.0	9.0	10.0	7.9	
36	2123110414	Đạo Nữ Hoàng Ly	Ly	27/07/2005	CCQ2311L	7.0	6.5	7.0	8.7	9.0	8.0	
37	2123110449	Nguyễn Công	Lý	15/11/2005	CCQ2311L	6.5	6.5	7.0	8.0	8.0	7.4	
38	2123110366	Huỳnh Văn	Mẫn	04/11/2004	CCQ2311K	8.0	7.0	7.0	8.0	10.0	8.3	
39	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	CCQ2311K	6.5	6.5	5.0	2.3	6.0	4.9	
40	2123110404	Hồ Sĩ	Nguyên	25/03/2005	CCQ2311K	5.0	5.5	5.0	0.0	4.0	3.4	
41	2123110409	Nguyễn Danh Thảo	Nguyên	09/05/2005	CCQ2311K						0.0	
42	2123110446	Ngô Thành	Nhân	11/07/2000	CCQ2311L	6.5	5.5	5.5	8.3	9.0	7.4	
43	2123110469	Nguyễn Hoài	Nhân	03/09/2005	CCQ2311L	6.0	6.0	7.0	8.0	10.0	7.9	
44	2123110381	Huỳnh Đỗ Nhuận	Phát	12/12/2005	CCQ2311K	7.5	7.0	5.0	6.0	6.0	6.2	
45	2123110424	Nguyễn Cửu Minh	Phú	25/10/2005	CCQ2311L	8.5	8.0	5.5	9.3	9.0	8.4	
46	2123110478	Lầu Duy	Phúc	24/06/2005	CCQ2311L	6.5	5.5	6.0	9.0	9.0	7.7	
47	2123110432	Võ Văn	Phúc	31/10/2005	CCQ2311K	7.0	6.5	5.5	8.3	9.0	7.7	
48	2123110417	Nguyễn Khắc	Phước	03/05/2005	CCQ2311L	5.0	5.0	6.0	8.0	8.0	6.9	
49	2123110434	Bạch Đông	Quân	13/01/2005	CCQ2311L	6.5	6.0	5.5	6.3	9.0	6.9	
50	2123110483	Nguyễn Đắc	Quân	02/06/2005	CCQ2311L	6.0	7.0	6.0	9.0	9.0	7.9	
51	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	26/05/2005	CCQ2311K	6.5	6.0	5.0	7.3	7.0	6.6	
52	2123110397	Lê Văn	Quý	01/09/2000	CCQ2311K	7.0	6.0	5.5	9.0	8.0	7.5	
53	2123110395	Hoàng Văn	Thái	05/11/2000	CCQ2311K						0.0	
54	2123110423	Kiều Xuân	Thanh	09/06/2004	CCQ2311L	7.0	6.0	5.5	2.3	9.0	5.9	
55	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	5.0	6.0	5.5	6.7	9.0	6.8	
56	2123110454	Trần Đặng Xuân	Thịnh	24/11/2005	CCQ2311L	6.5	4.0	6.0	9.0	6.0	6.6	
57	2123110438	Võ Ngọc Quốc	Thịnh	21/07/2005	CCQ2311L	5.0	6.0	6.0	9.0	7.0	7.0	
58	2123110452	Hứa Trần Văn	Tiên	09/02/2003	CCQ2311L	7.0	6.0	5.5	8.7	7.0	7.1	
59	2123110440	Nguyễn Thanh	Tín	08/04/1994	CCQ2311L						0.0	
60	2123110456	Nguyễn Trọng	Tín	14/07/2004	CCQ2311L	6.5	5.0	5.5	7.3	6.0	6.2	
61	2123110453	Ngô Đức	Trí	19/09/2005	CCQ2311L						0.0	
62	2123110472	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/09/2005	CCQ2311L	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	7.9	
63	2123110403	Hoàng Lê Anh	Tuấn	25/05/2005	CCQ2311K	6.5	5.0	5.0	8.3	6.0	6.4	
64	2123110411	Nguyễn Xuân	Tường	25/10/2005	CCQ2311K	5.5	5.5	5.5	10.0	8.0	7.5	

65	2123110477	Trần Quốc	Tựu	17/01/2005	CCQ2311L	7.0	7.5	5.5	2.3	7.0	5.5	
66	2123110439	Đặng Thị Thanh	Tuyền	29/04/2004	CCQ2311L						0.0	
67	2123110401	Trương Thanh	Tuyền	05/07/2005	CCQ2311K	6.5	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	
68	2123110373	Nguyễn Thị Ái	Vì	12/02/2005	CCQ2311K	5.5	6.0	7.0	5.0	9.0	6.6	
69	2123110474	Nguyễn Anh	Vũ	21/09/2005	CCQ2311L	6.0	6.5	6.0	8.7	9.0	7.7	
70	2123110382	Nguyễn Chí	Vương	07/02/2005	CCQ2311K	6.5	6.0	6.0	7.7	0.0	4.8	
71	2123110402	Nguyễn Huỳnh Khánh	Vy	03/04/2005	CCQ2311K	7.0	6.5	7.0	9.7	9.0	8.3	
72	2123110392	Trần Thị Ngọc	Yến	28/09/2005	CCQ2311K	7.0	7.5	7.0	7.3	9.0	7.7	
73												
74												
75												
76												
77												
78												
79												
80												

*Tp. Thủ Đức, ngày 30 tháng 10 năm
2023*

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục